

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2020

V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con ”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Đồng Phước Tài

2/Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2020/TLST-HN ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M T, sinh năm 1990 (có mặt)*

ĐKHKTT: Tổ 4, ấp T G (nay là tổ 8, ấp T Q) xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992 (có mặt)*

ĐKHKTT: Tổ 2, Ấp M T, xã M T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 16/6/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M T trình bày: Vào năm 2016 chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn Văn D quen biết với nhau và có tìm hiểu trước, được cha mẹ hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương. Nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 chiếc lắc tay, 01 chiếc nhẫn. Tổng cộng là 10 chỉ vàng 24K, anh và chị đã thỏa thuận bán hết số nữ trang cưới này để tiêu xài nay không còn. Chị T và anh D không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại M T, xã M T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm nên có 01 con chung tên Nguyễn Thị M T, sinh ngày 27/10/2018 hiện đang sống với chị T.

Trong thời gian chung sống chúng tôi không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Chúng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm sống với nhau do anh D thường xuyên cờ bạc, nợ nần và không lo làm ăn để lo cho gia đình, anh D còn thường uống rượu về là có hành vi hành hung đánh đập người thân trong gia đình tôi, nên thường hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Tôi đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Cho nên chúng tôi ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay, hiện nay chúng tôi mỗi người có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.
- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị M T, sinh ngày 27/10/2018 tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, tôi yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.
- Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị M T trình bày: Về mâu thuẫn gia đình phát sinh thường xuyên bất đồng quan điểm sống với nhau, anh D thường xuyên cờ bạc, nợ nần và không lo làm ăn để lo cho gia đình, anh D còn thường uống rượu về là có hành vi hành hung đánh đập người thân trong gia đình tôi, nên thường hay cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Tôi đã nhiều lần khuyên bảo nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Cho nên chúng tôi ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay, hiện nay chúng tôi mỗi người có cuộc sống riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- + Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D.
- + Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Mỹ Tâm, sinh ngày 27/10/2018 tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, tôi yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.
- + Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Văn D trình bày: Qua lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, nữ trang, con chung, tài sản chung là đúng. Nhưng mâu thuẫn gia đình thì không đúng. Tôi không tham gia chơi cờ bạc, nợ nần và lo làm ăn để lo cho gia đình, tôi không có hành vi hành hung đánh đập người thân trong gia đình chị T, giữa tôi và T có sự hiểu lầm nhau nên cãi nhau làm mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân. Tôi cũng còn thương chị T, tôi yêu cầu đoàn tụ để lo cho con. Nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T thì tôi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi Tòa giải quyết tôi được nuôi con thì tôi đem con về gởi cho chị T nuôi dưỡng thay cho tôi. Lý do tôi phải đi làm. Sau khi lắng nghe Hội đồng xét xử giải thích về quyền nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con, tôi thông nhất để cho chị T tiếp tục nuôi con chung, tôi tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và

dành cho tôi quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “nuôi con, chia tài sản của Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi hủy kết hôn trái pháp luật” được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã M T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010, chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau, không có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân không được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị T và anh D thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chị T xin ly hôn anh D. Xét thấy chị T và anh D đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chị T và anh D không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị T và anh D đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

[4] Xét về con chung: Chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn Văn D sống chung với nhau có sinh được 1 con chung tên Nguyễn Thị M T, sinh ngày 27/10/2018, hiện đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu Tâm đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu tâm dưới 36 tháng tuổi, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M T, để đảm bảo ổn định môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu M T không bị thay đổi nên để cho chị M T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp, không trái quy định của pháp luật. Xét chị M T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là có cơ sở vì cháu T vừa đủ 2 tuổi nên nhu cầu thiết yếu để nuôi cháu T là cần thiết nên buộc anh D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Nguyễn văn D thống nhất để con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu M T đủ 18 tuổi. Do đó áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên

Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị M T. Chị Nguyễn Thị M T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị M T, sinh ngày 27/10/2018, đến khi cháu M T đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn D được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn Văn D không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị M T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011485 ngày 16/6/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

[7]Về án phí cấp dưỡng nuôi con:

- Buộc anh Nguyễn Văn D nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 14, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M T.

1/Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2/Về con chung: Chị Nguyễn Thị M T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị M T, sinh ngày 27/10/2018, đến khi cháu M T đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu M T đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn D được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị M T và anh Nguyễn Văn D không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị M T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011485 ngày 16/6/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện B T thu.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con:

- Buộc anh Nguyễn Văn D nộp 300.000 đồng.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị M T, bị đơn anh Nguyễn Văn D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- Chi cục THADS.H Bình Tân 01;
- UBND xã Mỹ Thuận, Bình Tân;
- Các đương sự 02;
- Lưu 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thành Tựu